

2023年3月度(S23)運航計画/MAR2023 (S23) Flight Schedule

最終更新日

2023/3/8

Passenger Flights 旅客便

S23

北米線 / North America

地点	TYPE OF FLT	FLT NO.	ORG	STD	DEST	STA	ACFT	3/26	3/27	3/28	3/29	3/30	3/31
				LCL		LCL		D7	D1	D2	D3	D4	D5
ワシントン Washington	PAX Flight	NH0102	HND	10:55	IAD	10:35	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0101	IAD	12:15	HND	15:20+1	B789	○	○	○	○	○	○
ニューヨーク New York	PAX Flight	NH0010	NRT	16:40	JFK	16:35	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0009	JFK	12:00	NRT	15:00+1	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0110	HND	11:00	JFK	10:55	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0109	JFK	14:05	HND	17:15+1	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0160	HND	22:55	JFK	22:50	B73ER	○	-	○	-	-	○
	PAX Flight	NH0159	JFK	02:00	HND	05:00+1	B73ER	-	○	-	○	-	-
ロサンゼルス Los Angeles	PAX Flight	NH0006	NRT	17:00	LAX	10:50	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0005	LAX	12:35	NRT	16:30+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0106	HND	00:30	LAX	18:45-1	B789	-	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0105	LAX	00:50	HND	05:05+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0126	HND	21:05	LAX	15:05	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0125	LAX	16:50	HND	20:55+1	B788	○	○	○	○	○	○
サンフランシスコ San Francisco	PAX Flight	NH0008	NRT	17:00	SFO	10:35	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0007	SFO	12:20	NRT	15:25+1	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0108	HND	22:55	SFO	16:25	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0107	SFO	01:45	HND	05:00+1	B73ER	○	○	○	○	○	○
シカゴ Chicago	PAX Flight	NH0012	NRT	17:00	ORD	14:55	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0011	ORD	11:55	NRT	15:00+1	B73ER	○	○	○	○	○	○
	CARGO ONLY Flight	NH8550	NRT	12:00	ORD	09:55	B789	○	-	-	-	-	○
	CARGO ONLY Flight	NH9650	HND	12:00	ORD	09:55	B73ER	-	-	-	-	○	-
	CARGO ONLY Flight	NH8549	ORD	11:55	NRT	15:00+1	B789	-	-	-	-	○	○
	CARGO ONLY Flight	NH9649	ORD	11:55	HND	15:00+1	B73ER	○	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0112	HND	10:40	ORD	08:40	B73ER	○	○	○	○	○	○
PAX Flight	NH0111	ORD	17:45	HND	21:05+1	B73ER	○	○	○	○	○	○	
シアトル Seattle	PAX Flight	NH0118	HND	17:25	SEA	10:35	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0117	SEA	12:30	HND	14:50+1	B788	○	○	○	○	○	○
ヒューストン Houston	PAX Flight	NH0114	HND	10:25	IAH	08:45	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0113	IAH	11:35	HND	15:25+1	B789	○	○	○	○	○	○
メキシコシティ Mexico City	PAX Flight	NH0180	NRT	16:40	MEX	13:55	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0180	NRT	16:30	MEX	14:15	B788	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0179	MEX	01:00	NRT	06:40+1	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0179	MEX	01:05	NRT	06:30+1	B788	-	-	-	-	-	-
ホノルル Honolulu	PAX Flight	NH0184	NRT	20:10	HNL	08:30	A380	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0183	HNL	11:35	NRT	15:15+1	A380	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0182	NRT	21:30	HNL	09:50	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0181	HNL	12:40	NRT	16:25+1	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0186	HND	21:55	HNL	10:15	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0185	HNL	13:40	HND	17:25+1	B789	○	○	○	○	○	○
バンクーバー Vancouver	PAX Flight	NH0116	HND	21:55	YVR	14:50	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0115	YVR	16:45	HND	18:50+1	B789	○	○	○	○	○	○

欧州線 / Europe

地点	TYPE OF FLT	FLT NO.	ORG	STD	DEST	STA	ACFT	3/26	3/27	3/28	3/29	3/30	3/31
				LCL		LCL		D7	D1	D2	D3	D4	D5
ロンドン London	PAX Flight	NH0211	HND	09:55	LHR	16:20	B73ER	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0212	LHR	19:00	HND	17:05+1	B73ER	○	○	○	○	○	○
パリ Paris	PAX Flight	NH0215	HND	09:35	CDG	17:10	B789	○	-	-	○	-	○
	PAX Flight	NH0216	CDG	19:20	HND	15:55+1	B789	○	-	-	○	-	○
フランクフルト Frankfurt	PAX Flight	NH0203	HND	21:30	FRA	05:20+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0204	FRA	12:10	HND	08:10+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0223	HND	09:40	FRA	17:30	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0224	FRA	20:45	HND	16:45+1	B789	○	○	○	○	○	○
ミュンヘン Munich	PAX Flight	NH0217	HND	22:45	MUC	06:50+1	B789	○	-	-	-	○	○
	PAX Flight	NH0218	MUC	11:15	HND	06:55+1	B789	-	○	-	-	-	○
ブリュッセル Brussels	PAX Flight	NH0231	NRT	10:50	BRU	18:30	B789	-	-	-	○	-	-
	PAX Flight	NH0232	BRU	21:10	NRT	17:45+1	B789	-	-	-	○	-	-

ウィーン Vienna	PAX Flight	NH0205	HND	00:55	VIE	08:55	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0206	VIE	11:35	HND	06:55+1	-	-	-	-	-	-	-
ウラジオストク Vladivostok	PAX Flight	NH0883	NRT	10:10	VVO	13:30	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0884	VVO	14:35	NRT	15:50	-	-	-	-	-	-	-
オセアニア線 / Oceania								3/26	3/27	3/28	3/29	3/30	3/31
地点	TYPE OF FLT	FLT NO.	ORG	STD LCL	DEST	STA LCL	ACFT	D7	D1	D2	D3	D4	D5
シドニー Sydney	PAX Flight	NH0889	HND	08:40	SYD	20:15	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0889	HND	08:40	SYD	19:15	B789	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0890	SYD	12:55	HND	20:30	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0890	SYD	12:00	HND	20:35	B789	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0879	HND	22:20	SYD	09:55+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0879	HND	22:20	SYD	08:55+1	B789	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0880	SYD	21:45	HND	05:25+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0880	SYD	20:55	HND	05:35+1	B789	-	-	-	-	-	-
パース Perth	PAX Flight	NH0881	NRT	11:10	PER	20:15	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0882	PER	21:45	NRT	08:25+1	-	-	-	-	-	-	-
東南アジア・南アジア線 / S.E. Asia and South Asia								3/26	3/27	3/28	3/29	3/30	3/31
地点	TYPE OF FLT	FLT NO.	ORG	STD LCL	DEST	STA LCL	ACFT	D7	D1	D2	D3	D4	D5
シンガポール Singapore	PAX Flight	NQ0801	NRT	18:15	SIN	00:35+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NQ0802	SIN	06:15	NRT	14:30	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0843	HND	00:40	SIN	06:40	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0842	SIN	11:05	HND	19:15	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0841	HND	11:05	SIN	17:15	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0844	SIN	22:10	HND	06:30+1	B789	○	○	○	○	○	○
バンコク Bangkok	PAX Flight	NH0805	NRT	19:00	BKK	23:45	B781	○	○ B789	○ B789	○ B789	○	○
	PAX Flight	NH0806	BKK	07:00	NRT	15:20	B781	○	○	○ B789	○ B789	○ B789	○
	PAX Flight	NH0849	HND	00:05	BKK	04:35	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0848	BKK	09:35	HND	18:00	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0877	HND	00:55	BKK	05:25	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0878	BKK	13:55	HND	22:15	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0847	HND	10:50	BKK	15:30	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0850	BKK	21:35	HND	05:50+1	B789	○	○	○	○	○	○
ホーチミンシティ Hochiminh City	PAX Flight	NH0833	NRT	19:10	SGN	23:45	B781	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0834	SGN	07:00	NRT	15:05	B781	○ B788	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0891	HND	17:10	SGN	21:25	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0892	SGN	22:45	HND	06:40+1	B789	○	○	○	○	○	○
ハノイ Hanoi	PAX Flight	NH0897	NRT	18:30	HAN	22:15	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0898	HAN	23:35	NRT	06:45+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH1918	HAN	00:25	NRT	07:35	B789	○	-	-	-	-	-
ムンバイ Mumbai	PAX Flight	NH0829	NRT	11:00	BOM	17:35	B789	-	-	○	-	○	-
	PAX Flight	NH0830	BOM	19:40	NRT	07:35+1	B789	-	-	○	-	○	-
デリー Delhi	PAX Flight	NH0837	HND	10:15	DEL	15:55	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0838	DEL	18:00	HND	05:35+1	B789	○	○	○	○	○	○
ジャカルタ Jakarta	PAX Flight	NH0835	NRT	17:50	CGK	23:45	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0836	CGK	06:20	NRT	15:55	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0855	HND	10:20	CGK	16:00	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0856	CGK	21:25	HND	06:50+1	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH1927	HND	00:05	CGK	05:40	B788	○	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0871	HND	23:30	CGK	05:05+1	B788	○	○	-	-	○	○
マニラ Manila	PAX Flight	NH0872	CGK	07:10	HND	16:35	B788	○	○	○	-	-	○
	PAX Flight	NH0819	NRT	17:15	MNL	20:55	B781	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0820	MNL	09:10	NRT	14:50	B781	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0869	HND	09:45	MNL	13:30	B789	○	○	○	○	○	○
クアラルンプール Kuala Lumpur	PAX Flight	NH0870	MNL	14:40	HND	20:00	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0815	NRT	17:30	KUL	23:55	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0816	KUL	07:15	NRT	15:25	B789	-	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH1910	KUL	07:15	NRT	15:25	B789	○	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH1907	HND	00:05	KUL	06:45	B788	○	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0885	HND	23:30	KUL	06:00+1	B788	○	○	○	-	-	○
PAX Flight	NH0886	KUL	14:15	HND	22:15	B788	○	○	○	○	-	-	

東アジア線 / East Asia								3/26	3/27	3/28	3/29	3/30	3/31
地点	TYPE OF FLT	FLT NO.	ORG	STD	DEST	STA	ACFT	D7	D1	D2	D3	D4	D5
				LCL		LCL							
ソウル (金浦) Seoul Gimpo	PAX Flight	NH0861	HND	08:40	GMP	11:05	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0864	GMP	12:45	HND	15:00	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0865	HND	16:10	GMP	18:35	A320	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0868	GMP	19:55	HND	22:15	A320	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0863	HND	12:05	GMP	14:25	A320	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0866	GMP	17:05	HND	19:20	A320	-	-	-	-	-	-
香港 Hong Kong	PAX Flight	NH0811	NRT	18:15	HKG	22:15	B763	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0812	HKG	09:30	NRT	15:10	B763	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH1951	HND	08:55	HKG	12:30	B788	○	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0859	HND	08:55	HKG	12:30	B788	-	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0860	HKG	14:30	HND	19:45	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0873	KIX	10:20	HKG	13:45	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0874	HKG	15:10	KIX	20:00	-	-	-	-	-	-	-
台北 (桃園) Taipei Taoyuan	CARGO ONLY Flight	NH9647	NRT	08:10	TPE	10:45	B789	-	-	-	-	-	○
	CARGO ONLY Flight	NH9648	TPE	13:05	NRT	17:15	B789	-	-	-	-	-	○
台北 (松山) Taipei Songshang	PAX Flight	NH0851	HND	09:50	TSA	12:25	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0852	TSA	13:35	HND	17:45	B788	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0853	HND	13:20	TSA	15:50	A320	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0854	TSA	16:50	HND	20:50	A320	○	○	○	○	○	○
北京 Beijing	PAX Flight	NH0955	NRT	08:55	PEK	12:00	B763	-	○	-	-	○	-
	PAX Flight	NH0956	PEK	15:10	NRT	19:35	B763	-	○	-	-	○	-
	CARGO ONLY Flight	NH0955	NRT	08:55	PEK	12:00	B789	○	-	-	○	-	-
	CARGO ONLY Flight	NH0956	PEK	15:10	NRT	19:35	B789	○	-	-	○	-	-
	PAX Flight	NH1909	HND	08:55	PEK	12:00	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0961	HND	08:55	PEK	12:00	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0962	PEK	15:10	HND	19:35	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0963	HND	17:20	PEK	20:15	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0964	PEK	08:20	HND	12:50	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0979	KIX	09:30	PEK	12:05	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0980	PEK	14:15	KIX	18:30	-	-	-	-	-	-	
大連 Dalian	PAX Flight	NH0903	NRT	10:05	DLC	12:15	B763	○	-	-	○	-	-
	PAX Flight	NH0904	DLC	13:15	NRT	17:15	B763	○	-	-	○	-	-
	PAX Flight	NH0945	KIX	10:00	DLC	11:35	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0946	DLC	14:00	KIX	17:30	-	-	-	-	-	-	-
瀋陽 Shenyang	PAX Flight	NH0925	NRT	18:50	SHE	21:25	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0926	SHE	10:15	NRT	14:35	-	-	-	-	-	-	-
上海 (浦東) Shanghai Pudong	PAX Flight	NH0919	NRT	09:20	PVG	11:40	B789	○	-	-	○	-	○
	PAX Flight	NH0920	PVG	13:00	NRT	16:50	B789	○	-	-	○	-	○
	PAX Flight	NH0959	NRT	14:00	PVG	16:05	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0960	PVG	17:05	NRT	21:10	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0921	NRT	18:35	PVG	20:55	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0922	PVG	10:55	NRT	15:00	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0971	HND	18:35	PVG	20:40	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0972	PVG	08:25	HND	12:20	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0967	HND	22:30	PVG	00:35+1	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0968	PVG	01:35	HND	05:30	-	-	-	-	-	-	-
	CARGO ONLY Flight	NH0967	HND	22:30	PVG	00:35+1	B789	○	○	○	○	○	○
	CARGO ONLY Flight	NH0968	PVG	01:35	HND	05:30	B789	○	○	○	○	○	○
	PAX Flight	NH0973	KIX	09:00	PVG	10:35	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0974	PVG	11:35	KIX	14:55	-	-	-	-	-	-	-
PAX Flight	NH0975	KIX	15:55	PVG	17:20	-	-	-	-	-	-	-	
PAX Flight	NH0976	PVG	18:20	KIX	21:35	-	-	-	-	-	-	-	
上海 (虹橋) Shanghai Hongqiao	PAX Flight	NH0969	HND	10:05	SHA	12:15	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0970	SHA	13:35	HND	17:25	-	-	-	-	-	-	-

青島 Qingdao	PAX Flight	NH0927	NRT	09:45	TAO	12:30	B763	○	-	○	○	-	○
	PAX Flight	NH0928	TAO	13:30	NRT	17:35	B763	○	-	○	○	-	○
	PAX Flight	NH0949	HND	09:45	TAO	12:30	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0950	TAO	13:30	HND	17:35	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0977	KIX	10:20	TAO	12:25	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0978	TAO	14:00	KIX	17:40	-	-	-	-	-	-	-
廈門 Xiamen	PAX Flight	NH0935	NRT	10:05	XMN	13:25	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0936	XMN	14:15	NRT	19:15	-	-	-	-	-	-	-
杭州 Hangzhou	PAX Flight	NH0929	NRT	10:05	HGH	12:50	B763	-	○	○	-	○	-
	PAX Flight	NH0930	HGH	13:40	NRT	17:55	B763	-	○	○	-	○	-
	PAX Flight	NH0951	KIX	13:55	HGH	15:35	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0952	HGH	16:25	KIX	20:00	-	-	-	-	-	-	-
廣州 Guangzhou	PAX Flight	NH0933	NRT	09:10	CAN	13:05	B763	○	-	-	○	-	-
	PAX Flight	NH0934	CAN	14:15	NRT	19:45	B763	○	-	-	○	-	-
	CARGO ONLY Flight	NH0934	CAN	14:15	NRT	19:45	B763	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0923	HND	09:10	CAN	13:05	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0924	CAN	14:15	HND	19:45	-	-	-	-	-	-	-
成都 Chengdu	PAX Flight	NH0947	NRT	17:25	CTU	22:25	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0948	CTU	09:00	NRT	15:20	-	-	-	-	-	-	-
武漢 Wuhan	PAX Flight	NH0937	NRT	18:30	WUH	22:00	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0938	WUH	09:35	NRT	14:30	-	-	-	-	-	-	-
深圳 Shenzhen	PAX Flight	NH0965	HND	11:20	SZX	15:10	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0966	SZX	17:00	HND	22:15	-	-	-	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0931	NRT	11:20	SZX	15:10	B788	-	○	-	-	-	-
	PAX Flight	NH0932	SZX	17:00	NRT	22:15	B788	-	○	-	-	-	-